TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-08-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Minh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Mão
2. Ông Phạm Văn Toan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Giang Thị Quỳnh Loan – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Phan Thị B**, sinh năm: 1992 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.
2. Bị đơn: **Anh Lê Văn B**, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị B và anh Lê Văn B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng kết hôn vào ngày 20/4/2012 tại UBND xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn chị B, anh B chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B không quan tâm đến vợ con khi ốm đau, không tôn trọng chị B. Tháng 10/2022, chị B đã làm đơn ly hôn, trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, anh B hứa sẽ thay đổi, bản thân chị cũng muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau khi chị rút đơn về, hai vợ chồng chỉ chung sống với nhau được 4 ngày, anh B không thay đổi tính nết nên vợ chồng không đoàn tụ được. Chị B, anh B đã sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không còn quan

tâm đến nhau nữa. Chị B xác định không còn tình cảm với anh B, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị B và anh B có 2 con chung là cháu Lê Hải Nam, sinh ngày: 11/05/2012 và cháu Lê Ngọc Thảo Vi, sinh ngày: 04/12/2018. Nay vợ chồng ly hôn, chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngọc Thảo Vi còn anh B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hải Nam cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Lê Văn B nhưng đến thời điểm xét xử anh B vẫn không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/6/2023, UBND xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Chị B, anh B về chung sống tại địa phương từ đầu năm 2022 nhưng chị B không thường xuyên sinh sống tại địa phương mà chỉ về thăm con mấy ngày xong lại đi. Cháu Lê Hải Nam sinh sống và học tập tại địa phương từ năm 2022 cho đến nay còn cháu Lê Ngọc Thảo Vi ở cùng chị B và không sinh sống tại địa phương. Chị B và anh B không có biểu hiện đánh đập, ngược đãi con cái.

UBND xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận: từ tháng 01/2022 cho đến nay chị B cư trú tại thôn Tân Tùng Sơn, xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật còn bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: áp dụng các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị B:

- Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị B và anh Lê Văn B.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Hải Nam cho anh Lê Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Giao cháu Lê Ngọc Thảo Vi cho chị Phan Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Phan Thị B và anh Lê Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Phan Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lê Văn B, anh Lê Văn B có nơi cư trú tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Do anh Lê Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị B và anh Lê Văn B đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/2012 tại UBND xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện đến với nhau, không vi phạm điều cấm của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bản thân chị B cũng nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng bằng việc rút đơn vào năm 2022 để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nhưng không đạt được kết quả. Chính quyền địa phương đã xác định chị B và anh B không chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị B, không có mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện anh B cũng không tha thiết có nguyện vọng đoàn tụ với chị B để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Theo quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống cùng nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng từ năm 2022 cho đến nay chị B và anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị B là có cơ sở, cần chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị B, xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị B và anh Lê Văn B.

Về nuôi con chung: Chị B và anh B có 2 con chung là cháu Lê Hải Nam, sinh ngày: 11/05/2012 và cháu Lê Ngọc Thảo Vi, sinh ngày: 04/12/2018. Xét thấy, hiện nay cháu Nam đang do anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu Vi đang do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Nam đã lớn có thể tự chăm sóc cho bản thân còn cháu Vi còn nhỏ lại là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Để không làm xáo trộn đến cuộc sống của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu ổn định trong học tập nên chấp nhận đề nghị của chị B, giao cháu Lê Hải Nam cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lê Ngọc Thảo Vi cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị B không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Về án phí dân sự sơ thẩm: trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên chị Phan Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị B về ly hôn với anh Lê Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị B và anh Lê Văn B. Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị B và anh Lê Văn B chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Lê Hải Nam, sinh ngày: 11/05/2012 cho anh Lê Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Giao cháu Lê Ngọc Thảo Vi, sinh ngày: 04/12/2018 cho chị Phan Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Phan Thị B và anh Lê Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0006489 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Chị Phan Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã T,
huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Minh